

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2022/KDTM-ST

Ngày: 22-7-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Bà Nguyễn Thị Bạch Gương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2021/TLST-KDTM ngày 30/3/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐST-KDTM ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Công ty TNHH Hùng D;

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn Đ – Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Ấp 5, xã Y, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Phương D

Địa chỉ: 366/2 O, Phường I, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Đức Lan P – Chức vụ: Giám đốc.

(Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Văn C – Chức vụ: Phó giám đốc tài chính. (Có mặt)

2. Ông Lê Viết T, sinh năm 1963; địa chỉ: Lô K, U, khu R, Phường Q, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 19 tháng 11 năm 2012 Công ty TNHH Hùng D (Dưới đây gọi tắt là Công ty Hùng D) và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Phương D (Dưới đây gọi tắt là Công ty Phương D) có ký hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT/2012 tại Văn phòng Công ty Hùng D, nội dung cơ bản như sau:

Công ty Hùng D cung cấp các loại đá xây dựng cho Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Phương D các loại đá xây dựng có đơn giá như sau: Đá 1*2 có giá

165.000 đồng/m³; đá 0*4 (L1) có giá 100.000 đồng/m³; đá 0*4 (L2) có giá 90.000 đồng/m³; đá 4*6-5-7 (L1) có giá 100.000 đồng/m³; đá 4*6-5-7 (L2) có giá 90.000 đồng/m³; đá mi bụi có giá 120.000 đồng/m³; đá mi sàng có giá 110.000 đồng/m³; đá hộc có giá 120.000 đồng/m³. Đơn giá trên đã bao gồm 10% thuế VAT. Khối lượng hàng hóa được tính trên thực tế giao nhận. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thời gian thanh toán 7 ngày kể từ ngày xác nhận khối lượng và xuất hóa đơn tài chính. Sau 3 tháng, Công ty Phương D phải thanh toán công nợ cho Công ty Hùng D.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty Hùng D đã giao hàng cho Công ty Phương D theo yêu cầu. Tính đến ngày 30/9/2013, Công ty Phương D còn nợ Công ty Hùng D số tiền 1.000.274.500đ (Một tỷ, hai trăm bảy mươi tư nghìn năm trăm đồng). Công ty Hùng D đã nhiều lần yêu cầu Công ty Phương D phải thanh toán số tiền hàng trên nhưng Công ty Phương D chỉ thanh toán cho Công ty Hùng D cụ thể như sau:

Năm 2016 thanh toán 160.000.000đ (Một trăm mười triệu), số tiền còn nợ là 840.274.500đ (Tám trăm bốn mươi triệu, hai trăm bảy mươi tư nghìn, năm trăm đồng)

Năm 2017 thanh toán tiếp 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Số tiền còn nợ lại là 760.274.500 đồng.

Năm 2018 thanh toán 70.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Số tiền còn nợ lại là 690.274.500 đồng.

Năm 2019 thanh toán 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Số tiền còn nợ lại là 640.274.500 đồng.

Năm 2020 thanh toán 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Số tiền còn nợ lại là 580.247.500 đồng.

Từ năm 2020 cho đến nay, Công ty Phương D không tiếp tục thanh toán cho Công ty Hùng D.

Nay, Công ty Hùng D yêu cầu Công ty Phương D thanh toán lãi suất chậm trả là 10%/năm, cụ thể như sau:

Từ ngày 30 tháng 9/2013 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 300.082.350 đồng; từ ngày 01/10/2016 đến ngày 30/9/2017 là 84.027.450 đồng; từ 01/10/2017 đến ngày 30/9/2018 là 76.274.500 đồng; từ ngày 01/10/2018 đến ngày 30/9/2019 là 64.274.500 đồng; từ ngày 01/10/2019 đến ngày 22/7/2022 là 202.146.700 đồng.

Tổng số nợ lãi là 726.805.500đ (Bảy trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm lẻ năm nghìn, năm trăm đồng).

Vậy tổng số tiền gốc và lãi Công ty Phương D phải thanh toán cho Công ty Hùng D là 580.247.500đ + 726.805.500đ = 1.307.053.000 (Một tỷ, ba trăm lẻ bảy triệu, không trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Hồ sơ pháp nhân của Công ty Hùng D; 01 hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT/2012 ký ngày 19 tháng 11 năm 2012; 01 bộ biên bản xác nhận khối lượng và công nợ.

Quá trình tham gia tố tụng, đại diện bị đơn trình bày:

Ngày 19/11/2012 Công ty Phương D và Công ty Hùng D ký hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT/2012 về việc mua bán đá xây dựng. Với nội dung cơ bản của hợp đồng như nguyên đơn đã trình bày.

Khối lượng và giá trị hàng hóa mua bán đã được hai bên lập phiếu xác nhận; tính tới ngày 04 tháng 6 năm 2020 Công ty Phương D còn nợ Công ty Hùng D là 580.274.000đ (Năm trăm tám mươi triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Số tiền này, Công ty Phương D chưa trả được cho Công ty Hùng D là do Công ty Phương D đã ký hợp đồng mua bán hàng hóa liên quan đến dự án của Công ty Khang Linh. Vì công ty Khang Linh bị truy tố về tội “Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản” trong vụ án hình sự khác nên Công ty Phương D chưa thu hồi được khoản nợ mà Công ty Khang Linh còn nợ. Vì sự kiện bất khả kháng này, Công ty Phương D chưa thể thanh toán nợ cho Công ty Hùng D.

Nay Công ty Phương D đưa ra phương án thanh toán nợ như sau:

- Trường hợp 1: Công ty Phương D thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc thay cho Công ty Phương D là 580.795.000 đồng. Số tiền trên được thanh toán như sau: mỗi tháng Công ty Phương D sẽ trả 15.000.000 đồng cho đến lúc trả hết số tiền trên; hình thức thanh toán: chuyển khoản.

- Trường hợp 2: Công ty Phương D sẽ thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ với số tiền 300.000.000 đồng, sau khi thanh toán số tiền trên giữa Công ty Hùng D với Công ty Phương D sẽ không còn bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào.

Về yêu cầu tính lãi của Công ty Hùng D là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Tại phiên tòa:

Công ty Hùng D không đồng ý với phương án trả nợ của Công ty Phương D và thay đổi yêu cầu tính lãi, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 10%/năm/tổng số nợ, kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán được xác định theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét có đủ căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về yêu cầu lãi suất, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Công ty Hùng D khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Phương D thanh toán tiền mua hàng còn nợ theo hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT/2012, nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”;

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Hợp đồng được các bên thực hiện tại xã Châu Pha, thị xã Phú Mỹ. Căn cứ quy định tại Điều 30, 35 và điểm g, Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính pháp lý hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT/2012 ngày 19/11/2012 giữa Công ty Hùng D và Công ty Phương D thấy:

Hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT/2012 nói trên được lập bằng văn bản và được người đại diện hợp pháp theo pháp luật của các bên xác nhận; nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hợp pháp và có hiệu lực thi hành.

[2.2] Xét việc thực hiện hợp đồng thấy:

Thực hiện hợp đồng, từ ngày 19/11/2012 đến tháng 9/2013, Công ty Hùng D đã cung cấp cho Công ty Phương D số lượng hàng hóa theo thỏa thuận và được các bên xác nhận số tiền hàng Công ty Phương D nợ Công ty Hùng D theo Biên bản xác nhận khối lượng và công nợ số 09CN/2013 ngày 30/9/2013 giữa đại diện hợp pháp theo pháp luật của các bên là ông Vũ Văn Dung và ông Dương Đức Lan Phương. Theo đó, Công ty Phương D nợ Công ty Hùng D 1.000.274.500 đồng.

[2.3] Xét việc thanh toán số tiền nợ thấy:

Theo trình bày và xác nhận của đại diện Công ty Hùng D và Công ty Phương D, sau khi xác nhận công nợ, đến ngày 04/6/2020, Công ty Phương D đã thanh toán cho Công ty Hùng D tổng số tiền 420.000.500 đồng, tổng số tiền hàng Công ty Phương D còn nợ Công ty Hùng D là 580.274.000đ (Năm trăm tám mươi triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Mặt dù, số nợ trên không được xác nhận bằng văn bản nhưng đã được đại diện hợp pháp của hai Công ty thừa nhận, căn cứ theo quy định tại Điều 92 của bộ luật Tố tụng Dân sự; nên đủ cơ sở để xác nhận Công ty Phương D còn nợ Công ty Hùng D số tiền 580.274.000đ (Năm trăm tám mươi triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Đối chiếu thỏa thuận của các bên tại Điều 2 Hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT/2012 thì Công ty Phương D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Công ty Hùng D. Căn cứ quy định tại Điều 50 của Luật thương mại cần buộc Công ty Phương D phải thanh toán cho Công ty Hùng D số tiền trên. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.4] Xét yêu cầu thanh toán lãi suất chậm trả, thấy:

Như đã phân tích ở trên, Công ty Phương D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT/2012. Căn cứ quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên vi phạm phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Do vậy, yêu cầu thanh toán lãi chậm trả của Công ty Hùng D là có căn cứ chấp nhận.

[2.5] Về mức lãi suất:

Tại biên bản xác minh ngày 02/6/2022, mức lãi suất quá hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là 16,5%/năm; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là 15,75%/năm; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 13,5%/năm. Vậy mức lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng TMCP trên địa bàn là 15.25%/năm. Tuy nhiên, tại phiên tòa Công ty Hùng D chỉ yêu cầu tính lãi là 10%/ năm/ tổng số nợ. Điều này là có lợi cho Công ty Phương D nên chấp nhận mức lãi suất này để tính lãi chậm trả.

[2.6] Thời điểm tính lãi:

Như đã phân tích ở trên, kể từ thời điểm xác nhận công nợ (Ngày 30/9/2013) Công ty Phương D tiếp tục thanh toán tiền nợ cho Công ty Hùng D, việc thanh toán này được thực hiện đến ngày 04/6/2020.

Căn cứ thỏa thuận tại Điều 2 hợp đồng kinh tế nói trên, thời hạn thanh toán được các bên xác định sau 03 tháng kể từ ngày 30/9/2013, tức ngày 01/01/2014. Do đó, đối chiếu với quy định của pháp luật thì ngày 01/01/2014 được xem là ngày tính lãi suất chậm trả. Nhưng do Công ty Phương D vẫn tiếp tục thanh toán tiền hàng cho Công ty Hùng D. Việc thanh toán này được thực hiện đến ngày 04/6/2020 mà không bị Công ty Hùng D phản đối bằng văn bản hoặc yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Mặt khác, Công ty Phương D không đồng ý thanh toán lãi suất chậm trả cho Công ty Hùng D. Đồng thời Công ty Hùng D cũng không cung cấp cho Công ty Phương D hóa đơn tài chính để thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ để xác định ngày 05/6/2020 là ngày Công ty Phương D phải chịu lãi suất chậm trả do vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Cụ thể như sau: từ ngày 05/6/2020 đến ngày 22/7/2022 là 2 năm 1 tháng 17 ngày. Vậy số tiền lãi là $580.274.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times (2 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 17 \text{ ngày}) = 123.625.000 \text{ đồng}$.

Do vậy, cần buộc Công ty Phương D phải thanh toán cho Công ty Hùng D tổng số tiền là 703.873.000đ (Bảy trăm lẻ ba triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

[3]. Về quyền kháng cáo: Công ty Hùng D và Công ty Phương D được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty Hùng D được chấp nhận nên cần buộc Công ty Phương D phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch là: 32.155.000 đồng. Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí cho Công ty Hùng D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 30, Điều 35, Điều 40, Điều 92, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24; Điều 50 và Điều 306 của Luật thương mại năm 2005 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Hùng D đối với Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Phương D về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

- Buộc Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Phương D phải thanh toán cho Công ty TNHH Hùng D số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 22 tháng 7 năm 2022 là 703.873.000đ (Bảy trăm lẻ ba triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Phương D phải nộp án phí có giá ngạch là: 32.155.000đ (Ba mươi hai triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn lại cho Công ty TNHH Hùng D số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006399 ngày 25/3/2021 của Chi cục thi hành án thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án (bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND tx. Phú Mỹ;
- Chi cục THADS tx. Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Thường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thái

